

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 5 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Toàn, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2019/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 02 năm 2019, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị N 1 (Phan Thị N), sinh năm 1990 (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Dương Chí Th, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2019 cùng các văn bản khác, nguyên đơn là bà Phan Thị N 1 (Phan Thị N) trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2010 bà và ông Dương Chí Th chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C và được chứng nhận kết hôn vào ngày 09/9/2010. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên sau một quá trình chung sống vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Bà và ông Th không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Xét thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Dương Chí Th. Về con chung có 01 người tên là Dương Bảo Z (giới tính nữ), sinh ngày 13/4/2010 hiện do bà đang nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là ông Dương Chí Th đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đồng thời không cung cấp lời khai, chứng cứ.

Đại diện Chính quyền địa phương áp Đ, xã P, huyện P, tỉnh C xác định: Trường hợp bà Phan Thị N 1 và ông Dương Chí Th kết hôn và chung sống với nhau được khoảng 2, 3 ngày thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó bà N bỏ đi đâu một thời gian thì hai bên gia đình hàn gắn cả hai tiếp tục chung sống. Sau đó không bao lâu thì bà N tiếp tục bỏ đi cho đến nay. Đối với chính quyền địa phương chỉ nắm được thông tin còn về nguyên nhân cụ thể thì không rõ. Khi các bên tranh chấp, mâu thuẫn hay bỏ đi không có trình báo chính quyền địa phương.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, chấp hành pháp luật của của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Phan Thị N 1 (Phan Thị N) ly hôn với ông Dương Chí Th. Về con chung giao cho bà N nuôi dưỡng, ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí buộc bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Phan Thị N 1 (Phan Thị N) yêu cầu ly hôn với ông Dương Chí Th và yêu cầu nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Dương Chí Th vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Th.

[2]. Xét về hôn nhân: Bà N xác định bà và ông Th chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C và được chứng nhận kết hôn vào ngày 09/9/2010. Hôn nhân phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên bà N và ông Th được công nhận là vợ chồng. Xét về mâu thuẫn, bà N xác định thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Tuy nhiên sau một quá trình chung sống thì giữa vợ chồng bất đồng quan điểm, phát sinh mâu thuẫn nên bà N yêu cầu được ly hôn. Ông Th đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đồng thời không cung cấp lời khai, chứng cứ cho thấy ông Th không muốn hàn gắn tình cảm vợ

chồng. Bà và ông Th không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay mà không thể hàn gắn, không thể tiếp tục cuộc sống chung. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Th đã và đang trầm trọng, bà N cương quyết yêu cầu ly hôn. Do đó, có đủ cơ sở để chấp nhận cho bà N ly hôn với ông Th.

[3]. Về con chung: Bà N xác định có 01 người con chung tên là Dương Bảo Z (giới tính nữ), sinh ngày 13/4/2010 hiện tại con chung do bà đang nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu này phù hợp nguyện vọng của người con chung, hiện tại bà N xác định con chung đang do bà nuôi dưỡng nên việc tiếp tục giao con chung cho bà N nuôi là phù hợp với quy định của Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên có cơ sở để chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định quá trình chung sống giữa bà và ông Th không có tài sản chung và nợ chung. Nay bà N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà N phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phan Thị N 1 (Phan Thị N) ly hôn với ông Dương Chí Th.

2. Về con chung: Giao cho bà Phan Thị N 1 chịu trách nhiệm nuôi dưỡng Dương Bảo Z (giới tính nữ), sinh ngày 13/4/2010 cho đến khi Dương Bảo Z thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan Thị N 1 về việc không yêu cầu ông Dương Chí Th cấp dưỡng nuôi con.

Ông Dương Chí Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị N 1 (Phan Thị N) phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà N đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007498 ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA (Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân;
- UBND xã P, huyện P, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước